

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Ngọc Dung.

Ông Đỗ Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2018/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1953 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Đ, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm: 1960 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp Đ, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/8/2018 nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn M tự tìm hiểu và kết hôn vào năm 1975, không đăng ký kết hôn, hôn nhân giữa ông bà là tự nguyện. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa và cự cãi do bất đồng quan điểm, hơn nữa tính tình của hai người không còn phù hợp, sống với nhau không còn hạnh phúc. Nay xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn M.

Về nuôi con chung: Bà và ông M không có con chung.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn M đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông M vẫn vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa: Bà T bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Văn M đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Văn M.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Lê Văn M tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1975 mặc dù đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn nhưng quan hệ hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Bà T nhận thấy cuộc sống của ông bà có nhiều bất hòa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn, ông M không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông M là có xảy ra. Mặt khác, từ lúc sống ly thân đến nay ông bà cũng không giải quyết được mâu thuẫn, giữa vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho ông bà. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T, bà T được ly hôn với ông Lê Văn M.

[3] Về nuôi con chung: Bà T, ông M không có con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị T là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Lê Văn M.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, bà Tđược ly hôn với ông Lê Văn M.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra xem xét.

3. Về chia tài sản: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch bà Lê Thị T được miễn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương